

TÒA ÁN NHÂN DÂN

QUẬN H

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2024

Về việc tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Nguyễn Việt Anh**.

- Bà **Đào Minh Chi**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Lại** – Thư ký Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Cẩm Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 767/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/QĐXX - ST ngày 23 tháng 02 năm 2024; quyết định hoãn phiên tòa số 13 ngày 15/3/2024; quyết định hoãn phiên tòa số 15 ngày 27/3/2024, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Trịnh Thị T**, sinh năm 1991. Có mặt.

HKTT và nơi cư trú: Phường M, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Trần Đại Phong** – Luật sư, Công ty Luật TNHH Khang Thái, đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội. Có mặt.

* Bị đơn: Anh **Khương Văn D**, sinh năm 1992. Vắng mặt.

HKTT và nơi cư trú: Phường M, quận H, Thành phố Hà Nội.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Vpbank).

Địa chỉ: 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí Dũng** – Chủ tịch HĐQT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Khương Văn D vào ngày 26/6/2015; trước khi đăng ký kết hôn có tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đây là lần kết hôn thứ nhất.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 3/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp và bất đồng quan điểm sống, bên cạnh đó do anh D thường xuyên chơi bời cờ bạc, nợ nần, khi chị góp ý thì anh D thường xuyên đánh đập chị dẫn đến nhiều lần phải báo cáo cơ quan Công an giải quyết và đã nhiều lần ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh vợ. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất là vào tháng 8/2023, từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý không còn quan tâm đến nhau.

Nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị và anh D có 03 con chung là cháu Khương Minh Anh (nữ), sinh ngày 23/11/2015, cháu Khương Minh Ánh (nữ), sinh ngày 27/10/2017 và cháu Khương Minh Dy (nam), sinh ngày 16/6/2020, ly hôn chị xin nuôi dưỡng cả ba con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung (động sản + bất động sản): Vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;

- Về nợ chung: Chị T xác định vợ chồng nợ ngân hàng Vpbank với số tiền gốc 1.000.000.000đ và lãi phát sinh cho đến nay chưa trả theo hợp đồng tín dụng số: LN 2301048059299 ngày 16/01/2023 và hợp đồng tín dụng số: LN2305129144001 ngày 25/5/2023, có địa chỉ tại số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội; để đảm bảo cho khoản vay anh chị thế chấp cho ngân hàng căn hộ số 1810 chung cư Sunshine Palace phường Mai Động, quận H, Thành phố Hà Nội, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh chị không còn nợ ai khác.

Bị đơn anh Khương Văn D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Trịnh Thị T vào ngày 26/6/2015; trước khi đăng ký kết hôn có tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn

tại UBND xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đây là lần kết hôn thứ nhất.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống thị Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng làm ăn kinh tế khó khăn, bên cạnh đó vợ anh có ý định lừa anh về kinh tế, chị T không minh bạch, không rõ ràng về kinh tế gia đình cũng như vợ anh có quan hệ bất chính, không chung T. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất là vào tháng 8/2023, chị T bỏ đi từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý không còn quan tâm đến nhau.

Nay, anh D xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung là cháu Khương Minh Anh (nữ), sinh ngày 23/11/2015, cháu Khương Minh Ánh (nữ), sinh ngày 27/10/2017 và cháu Khương Minh Dy (nam), sinh ngày 16/6/2020, ly hôn anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu chị T nuôi con tôi đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án khoảng hơn 01 tháng tôi đã đưa 03 con về ở tại Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa nuôi ăn học tại đó.

- Về tài sản chung (động sản + bất động sản): Vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết;

- Về nợ chung: Anh xác định vợ chồng nợ ngân hàng Vpbank với số tiền gốc 1.000.000.000đ và lãi phát sinh cho đến nay chưa trả theo hợp đồng tín dụng số: LN 2301048059299 ngày 16/01/2023 và hợp đồng tín dụng số: LN2305129144001 ngày 25/5/2023, có địa chỉ tại số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội; để đảm bảo cho khoản vay anh chị thế chấp cho ngân hàng căn hộ số 1810 chung cư Sunshine Palace phường Mai Động, quận H, Thành phố Hà Nội, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh chị không còn nợ ai khác.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, có địa chỉ tại số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội – Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo bổ sung người tham gia tố tụng, thông báo đến Tòa trình bày ý kiến, thông báo về phiên hòa giải nhưng ngân hàng đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày gửi Tòa án.

Tại phiên tòa: Chị Trịnh Thị T vẫn giữ nguyên nội Dung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Khương Văn D, để chị T được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu 03 con chung là cháu Khương Minh Anh

(nữ), sinh ngày 23/11/2015 và cháu Khương Minh Ánh (nữ), sinh ngày 27/10/2017, cháu Khương Minh Dy (nam), sinh ngày 16/6/2020, về cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Chị T, xác nhận tự thỏa thuận, ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết; về các khoản nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng anh chị có vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Vpbank) 1.000.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số: LN 2301048059299 ngày 16/01/2023 và hợp đồng tín dụng số: LN2305129144001 ngày 25/5/2023, có địa chỉ tại số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội, để đảm bảo cho khoản vay anh chị thế chấp cho ngân hàng căn hộ số 1810 chung cư Sunshine Palace phường Mai Động, quận H, Thành phố Hà Nội, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, vợ chồng anh chị không còn nợ ai khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có quan điểm: Mâu thuẫn vợ chồng chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án cho chị T được ly hôn anh D để ổn định cuộc sống; về con chung do hiện nay anh D không có công ăn việc làm, đang bị ốm đau nên không có khả năng chăm sóc và nuôi dưỡng con nên đề nghị Tòa án giao cả ba con chung cho chị T nuôi dưỡng và giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận nên không đề nghị giải quyết; về nợ chung: Do ngân hàng Tòa án đã tổng đạt các văn bản pháp luật hợp lệ nhưng cho đến phiên tòa hôm nay ngân hàng cũng chưa có ý kiến trình bày gì về khoản nợ trên nên đề nghị HĐXX giành quyền khởi kiện cho ngân hàng khi ngân hàng có đơn yêu cầu.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận H có quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân quận H thụ lý đơn xin ly hôn của chị Trịnh Thị T đối với anh Khương Văn D là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật TTDS. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 195, 196, 197 Bộ luật TTDS; Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án giải quyết đúng thời hạn chuẩn bị xét xử.

Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có mặt theo giấy báo, thông báo đến Tòa ghi lời khai, thông báo các phiên hòa giải của Tòa án và không tham gia phiên tòa mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn

bản tố tụng cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã vi phạm khoản 16 điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/UBTVQH quy định về án phí năm 2016: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T về việc xin ly hôn với anh Khương Văn D; Về con chung: Do anh D hiện nay không có công ăn việc làm, không có thu nhập, bản thân anh D hiện nay đang ốm đau bệnh tật, mặt khác anh D tự ý đưa con về cho ông bà nội chăm sóc, anh D không tự chăm sóc con chung được. Mặt khác anh D hay đánh đập vợ con và đã hai lần bị cơ quan Công an xử phạt hành chính về hành vi này, bản thân anh D có hành động và lời nói dạy con nói không có văn hóa, không đúng chuẩn mực của người làm cha nói xấu đối chị T và quay clip chị T cũng đã xuất trình cho Tòa án, cho nên cần giao 03 con chung là cháu Khương Minh Anh (nữ), sinh ngày 23/11/2015 và cháu Khương Minh Ánh (nữ), sinh ngày 27/10/2017, cháu Khương Minh Dy (nam), sinh ngày 16/6/2020 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu, kể từ tháng 4/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; Về tài sản chung: Anh chị xác nhận tự thỏa thuận, nên không xét; Về khoản nợ chung: Chị T, anh D đã xác nhận vợ chồng anh chị có vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Vpbank) 1.000.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số: LN 2301048059299 ngày 16/01/2023 và hợp đồng tín dụng số: LN2305129144001 ngày 25/5/2023, có địa chỉ tại số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội và có thể chấp tài sản là căn hộ số 1810 chung cư Sunshine Palace phường Mai Động, quận H, Thành phố Hà Nội. Tuy nhiên cho đến phiên tòa hôm nay ngân hàng không có ý kiến gì về khoản nợ gốc và lãi nói trên. Vì vậy khi giải quyết vụ án ly hôn cần buộc chị T anh D phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cả gốc và lãi cho Ngân hàng khi có đơn yêu cầu và giành quyền khởi kiện cho ngân hàng; Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trịnh Thị T có đơn xin ly hôn đối với anh Khương Văn D, nơi cư trú: Phường M, quận H, Thành phố Hà Nội, nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Quá trình giải quyết Tòa án nhân dân quận H đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, có địa chỉ tại số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội – Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo bổ sung người tham gia tố tụng, thông báo đến Tòa trình bày ý kiến, thông báo về phiên hòa giải nhưng ngân hàng đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày gửi Tòa án, tuy nhiên sau khi nhận được các văn bản tố tụng ngân hàng không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và các buổi làm việc ngân hàng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Vì vậy Tòa án nhân dân quận H, Thành phố Hà Nội ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 15/3/2024, ngày 27/3/2024 Ngân hàng vắng mặt không có lý do, bị đơn anh D vắng mặt phiên tòa ngày 27/3/2024; vì vậy Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 điều 227, điều 233, khoản 2 điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và ấn định phiên tòa được mở vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 09/4/2024. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn, ngân hàng vẫn vắng mặt không có lý do nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội Dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T kết hôn với anh Khương Văn D vào ngày 26/6/2015 trước khi đăng ký kết hôn hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa đây là lần kết hôn thứ nhất. Do vậy HĐXX nhận định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống tại quận H, Thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 3/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp và bất đồng quan điểm sống, bên cạnh đó do anh D thường xuyên chơi bời cờ bạc, nợ nần, khi chị góp ý thì anh D thường xuyên đánh đập chị, dẫn đến nhiều lần phải báo cơ quan Công an giải quyết và đã nhiều lần ra quyết xử phạt hành chính về hành vi đánh vợ gây thương tích. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất là vào tháng 8/2023, từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý không còn quan tâm đến nhau. Bị đơn anh Khương Văn D trình bày: Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng làm ăn kinh tế khó khăn, bên

cạnh đó vợ anh có ý định lừa anh về kinh tế gia đình, chị T không minh bạch, không rõ ràng về kinh tế gia đình cũng như vợ anh có quan hệ bất chính, không chung T. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất là vào tháng 8/2023, chị T bỏ đi thuê nhà sống riêng, từ đó vợ chồng sống ly thân và chấm dứt quan hệ sinh lý không còn quan tâm đến nhau; nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Khương Văn D và chị Trịnh Thị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị T xin ly hôn là có căn cứ, anh D cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn anh nhất trí ly hôn; do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh Khương Văn D là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xác nhận chị Trịnh Thị T và anh Khương Văn D có 03 con chung là cháu Khương Minh Anh (nữ), sinh ngày 23/11/2015 và cháu Khương Minh Ánh (nữ), sinh ngày 27/10/2017, cháu Khương Minh Dy (nam), sinh ngày 16/6/2020. Ly hôn chị T xin nuôi dưỡng và chăm sóc cháu 03 con chung, bản thân anh D có thời điểm xin được nuôi cả ba con chung, có thời điểm cũng nhất trí để chị T chăm sóc và nuôi dưỡng cả ba con chung. Mặt khác anh D hay đánh đập vợ con và đã hai lần bị cơ quan Công an xử phạt hành chính về hành vi này, bản thân anh D có hành động và lời nói dạy các con nói không có văn hóa, không đúng chuẩn mực của người làm cha nói xấu đối với chị T và quay clip gửi cho chị T, chị T cũng đã xuất trình nộp cho Tòa án. HĐXX xét thấy từ khi anh chị sống ly thân con chung đều do chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đóng tiền học cho các con, sau khi tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh D tự ý đưa con chung về Thanh Hóa nuôi dưỡng; nhưng thực tế anh D bỏ mặc để bố mẹ đẻ anh D nuôi dưỡng các cháu, bản thân anh D xác nhận hiện tại không có công ăn việc làm không có thu nhập và hiện nay anh cũng đang bị bệnh thận đang phải điều trị, vì vậy để đảm bảo quyền và lợi ích của con khi bố mẹ ly hôn, HĐXX chấp nhận nguyện vọng của chị T, giao ba con chung là cháu Khương Minh Anh (nữ), sinh ngày 23/11/2015, cháu Khương Minh Ánh (nữ), sinh ngày 27/10/2017 và cháu Khương Minh Dy (nam), sinh ngày 16/6/2020 cho chị T tiếp tục trực tiếp, chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, kể từ tháng 4/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; về cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu nên HĐXX không xét.

Về tài sản chung (động sản + bất động sản): Chị T, anh D đều xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không giải quyết.

Về nợ chung: Chị T, anh D đã xác nhận vợ chồng anh chị có vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Vpbank) 1.000.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số: LN 2301048059299 ngày 16/01/2023 và hợp đồng tín dụng số: LN2305129144001 ngày 25/5/2023, có địa chỉ tại số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội và có thể chấp tài sản là căn hộ số 1810 chung cư Sunshine Palace phường Mai Động, quận H, Thành phố Hà Nội anh chị không biết hiện nay lãi cụ thể là bao nhiêu, anh chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo bổ sung người tham gia tố tụng, thông báo đến Tòa trình bày ý kiến, thông báo về phiên hòa giải nhưng ngân hàng đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày gửi Tòa án. Do vậy đối với khoản nợ này Tòa án sẽ giành quyền khởi kiện cho Ngân hàng khi có đơn yêu cầu bằng vụ kiện khác và buộc chị T, anh D phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng khi có đơn yêu cầu.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Trịnh Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. *Xử:* - Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trịnh Thị T. Cho chị Trịnh Thị T ly hôn anh Khương Văn D.

- *Về con chung:* Giao chị Trịnh Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 03 con chung là cháu Khương Minh Anh (nữ), sinh ngày 23/11/2015, cháu Khương Minh Ánh (nữ), sinh ngày 27/10/2017 và cháu Khương Minh Dy (nam), sinh ngày 16/6/2020; kể từ tháng 4/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Khương Văn D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung (động sản và bất động sản)*: Chị Trịnh Thị T, anh Khương Văn D xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không giải quyết.

- *Về nợ chung*: Buộc anh Khương Văn D, chị Trịnh Thị T phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Vpbank) có địa chỉ tại số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, khoản nợ gốc 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số: LN 2301048059299 ngày 16/01/2023 và hợp đồng tín dụng số: LN2305129144001 ngày 25/5/2023, khi Ngân hàng khi có đơn yêu cầu.

Giành quyền khởi kiện cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (Vpbank) khi có đơn yêu cầu bằng vụ kiện khác.

3. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0010786 ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, Thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Trịnh Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận H;
- Chi cục THA dân sự quận H;
- UBND xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; (GCNKH số 41, ngày 26/6/2015)
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Phương